TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ S** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 23 – 10 – 2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ S, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lệ Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Ngọc Cận
2. Ông Trần Vĩnh Ảnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Chí Thức – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2020/TLST–HNGĐ, ngày 01/6/2020, về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 250/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/9/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Hồng Th, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số nhà 624, ấp K, xã K, huyện S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn Th, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số nhà 73/76/18, đường P, khóm A, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 5 năm 2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Hồng Th trình bày:

Bà và ông Nguyễn Tấn Th kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 02/01/2004 tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống với nhau hạnh phúc và sinh được hai người con chung tên Nguyễn Huỳnh Tuấn Th, sinh ngày 13/01/2005 và Nguyễn Huỳnh Phúc V, sinh ngày 29/05/2011. Đến năm 2016, ông bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên do việc làm ăn của ông Th bị thất bại, đời

sống kinh tế gia đình khó khăn dẫn đến vợ chồng thường gây cãi nhau, ông bà đã hàn gắn nhưng không có kết quả và đến năm 2019, ông bà sống ly thân với nhau cho đến nay. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Tấn Th.

- Về con chung: Bà yêu cầu được nuôi dưỡng hai người con chung Nguyễn Huỳnh Tuấn Th và Nguyễn Huỳnh Phúc V. Bà không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Tờ tường trình ngày 09/7/2020 và biên bản hòa giải ngày 20/8/2020, bị đơn ông Nguyễn Tấn Th trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Th về thời gian kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn. Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà Th thì ông không thống nhất ly hôn vì ông còn thương vợ thương con, ông muốn hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Về con chung: Ông đồng ý giao cháu Nguyễn Huỳnh Tuấn Th và Nguyễn Huỳnh Phúc V cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy tình trạng hôn nhân của bà Huỳnh Thị Hồng Th và ông Nguyễn Tấn Th đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Thị Hồng Th; Giao cháu Nguyễn Huỳnh Tuấn Th và Nguyễn Huỳnh Phúc V cho bà Huỳnh Thị Hồng Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, ông Th không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 22/5/2020, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Hồng Th trình bày: Bà và ông Nguyễn Tấn Th kết hôn vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố S. Bà yêu cầu xin được ly hôn với ông Nguyễn Tấn Th và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Huỳnh Tuấn Th và Nguyễn Huỳnh Phúc V, về tài sản chung và nợ chung đều không yêu cầu giải quyết. Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong vụ án, bị đơn ông Nguyễn Tấn Th hiện đang cư trú tại số nhà 73/76/18, đường Ph, khóm A, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân thành phố S thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Tấn Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Nguyễn Tấn Th và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Huỳnh Thị Hồng Th và ông Nguyễn Tấn Th tự nguyện kết hôn vào năm 2004 và được Ủy ban nhân dân phường B, thành phố S cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 04/TP.P6, quyển số 01, ngày 02/01/2004 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông Th là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, bà Th có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Xét lý do yêu cầu ly hôn, bà Huỳnh Thị Hồng Th cho rằng: Sau thời gian chung sống hạnh phúc, đến năm 2016, ông bà phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, nguyên do công việc làm ăn của ông Th bị thất bại, đời sống kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn dẫn đến cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc, bất hòa. Ông bà không hàn gắn được tình cảm nên đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2019 cho đến nay. Tại tờ tường trình ngày 09/7/2020, ông Nguyễn Tấn Th thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn như bà Th trình bày. Trong thời gian chung sống, ông có lời nói và hành động làm tổn thương bà Th. Ông nhận thấy mình sai nhưng vì quá thương vợ con nên mới có hành động và lời lẽ làm xúc phạm bà Th. Tuy nhiên đối với yêu cầu xin ly hôn của bà Th thì ông Th không đồng ý vì ông còn thương vợ, thương con và muốn được hàn gắn tình cảm. Qua lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà Th và ông Th trong thời gian chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông bà đã sống ly thân với nhau trong một thời gian dài mà không hàn gắn lại được tình cảm, hiện tại ông bà cũng sinh sống ở hai nơi khác nhau. Mặt khác sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để động viên vợ chồng bà Th và ông Thđoàn tụ nhưng bà Th vẫn kiên quyết ly hôn với ông Th. Như vậy tình cảm vợ chồng của ông bà đã trở nên trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét yêu cầu xin ly hôn của bà Th là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Th được ly hôn với ông Th.

[4] Về con chung: Bà Huỳnh Thị Hồng Th và ông Nguyễn Tấn Th xác định trong thời gian chung sống, ông bà sinh được hai người con chung tên Nguyễn Huỳnh Tuấn Th, sinh ngày 13/01/2005 và Nguyễn Huỳnh Phúc V, sinh ngày 29/05/2011. Bà Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th và V sau khi ly hôn, ông Th cũng đồng ý theo yêu cầu của bà Th và yêu cầu này cũng phù hợp theo nguyện vọng của cháu Th, V (*Biên bản lấy ý kiến ngày 20/8/2020, (bút lục số 17-18*)). Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Th được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Th và cháu V cho đến khi hai cháu thành niên.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Huỳnh Thị Hồng Th khẳng định đủ điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Th, cháu V và không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Ngoài ra căn cứ vào khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, ông Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị Hồng Th và ông Nguyễn Tấn Th thống nhất xác định trong thời gian chung sống ông bà không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Bà Huỳnh Thị Hồng Th và ông Nguyễn Tấn Th thống nhất xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà Huỳnh Thị Hồng Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Tấn Th không phải chịu án phí.

[10] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bà Huỳnh Thị Hồng Th có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với ông Nguyễn Tấn Th có quyền kháng cáo bản án này kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 271, 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Hồng Th và ông Nguyễn Tấn Th được ly hôn.

2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Huỳnh Thị Hồng Th được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Nguyễn Huỳnh Tuấn Th, sinh ngày 13/01/2005 và Nguyễn Huỳnh Phúc V, sinh ngày 29/05/2011 cho đến khi cháu Th và V thành niên. Ông Nguyễn Tấn Th không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung.

Ông Nguyễn Tấn Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cháu Nguyễn Huỳnh Tuấn Th và Nguyễn Huỳnh Phúc V mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị Hồng Th và ông Nguyễn Tấn Th thống nhất xác định trong thời gian chung sống ông bà không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Huỳnh Thị Hồng Th và ông Nguyễn Tấn Th thống nhất xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Hồng Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001914 ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Bà Huỳnh Thị Hồng Th đã nộp xong án phí. Ông Nguyễn Tấn Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo bản án: Bà Huỳnh Thị Hồng Th có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với ông Nguyễn Tấn Th có quyền kháng cáo bản án này kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Sóc Trăng;*
- *VKSND thành phố S;*
- *CC THADS thành phố S;*
- *Các đương sự;*
- *UBND phường B, thành phố S;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vương Thị Lệ Hằng